CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Vải sợi May mặc Miền Bắc

Ngày 30/06/2025	27,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0.0%	-

DT thuần
Q2/25
5.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.89| -14.3%
YoY: ▲ 0.61| 12.9%

LN thuần
Q2/25
2.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.47| 267%
YoY: ▲ 1.26| 166%

LN sau thuế
Q2/25
5.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.06| 1582%
YoY: ▲ 3.56| 196%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
127%
YoY: +/-▲ 120%

ROE (TTM)
Q2/25
6.3%
YoY: +/-▲ 3.1%

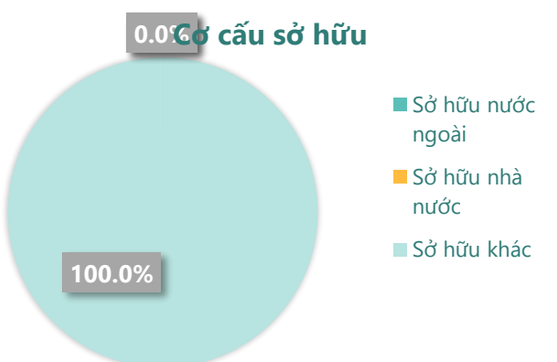
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,100 - 30,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	155
Số lượng CPLH (CP)	5,702,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	1,256
P/E	21.6

DT thuần
6T 2025
11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.30| -3.0%

LN thuần
6T 2025
2.57
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.38| -12.8%

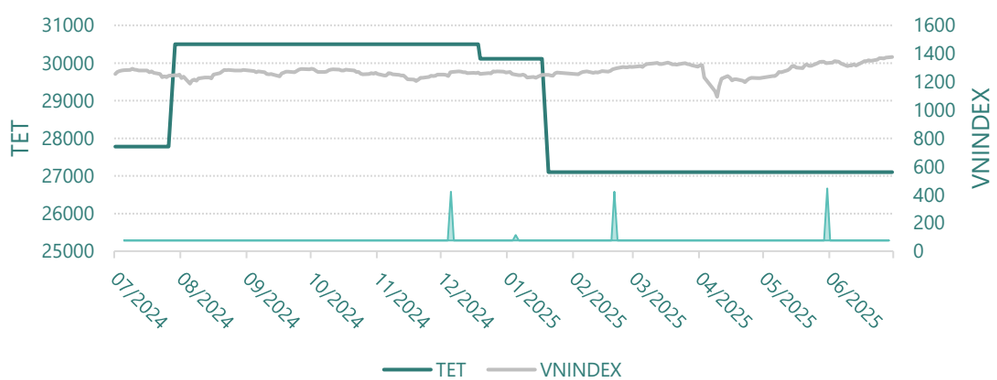
LN sau thuế
6T 2025
5.70
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.25| 65.1%

Cơ cấu sở hữu

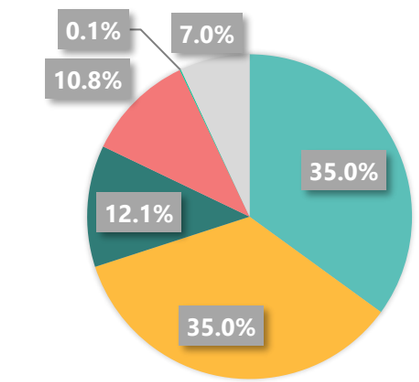


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



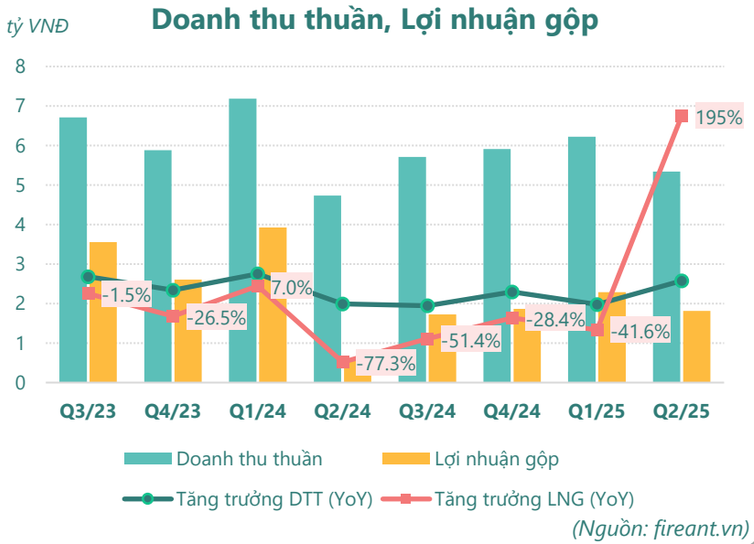
Cơ cấu cổ đông



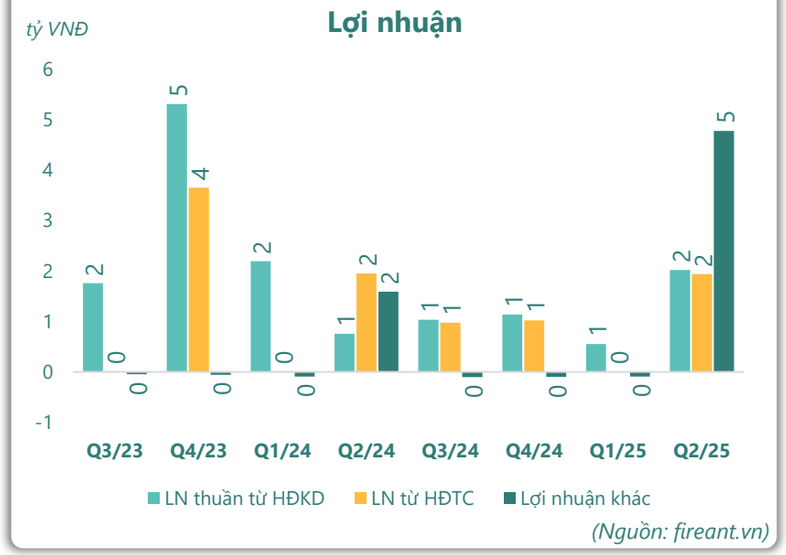
- CTCP Xây dựng và Ứng dụng công nghệ DELTA-V
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta
- Phạm Hoàng Long (Tổng giám đốc)
- Trần Minh Quỳnh Dung
- Bùi Thị Minh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

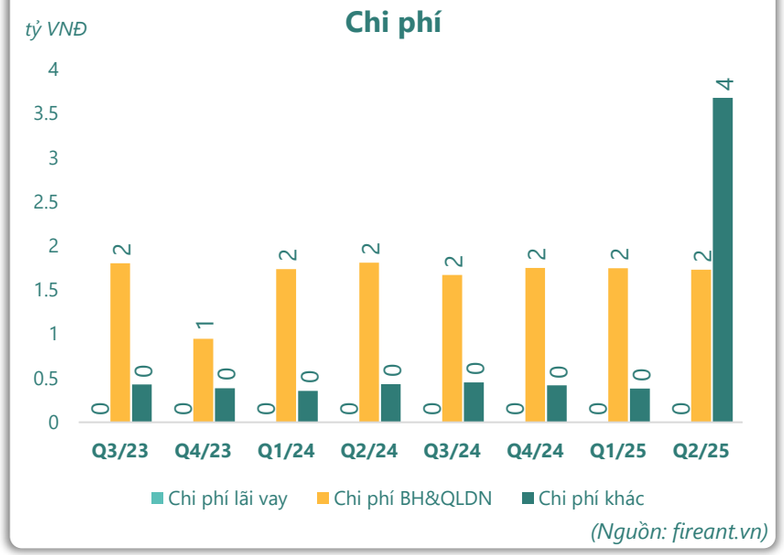
KẾT QUẢ KINH DOANH



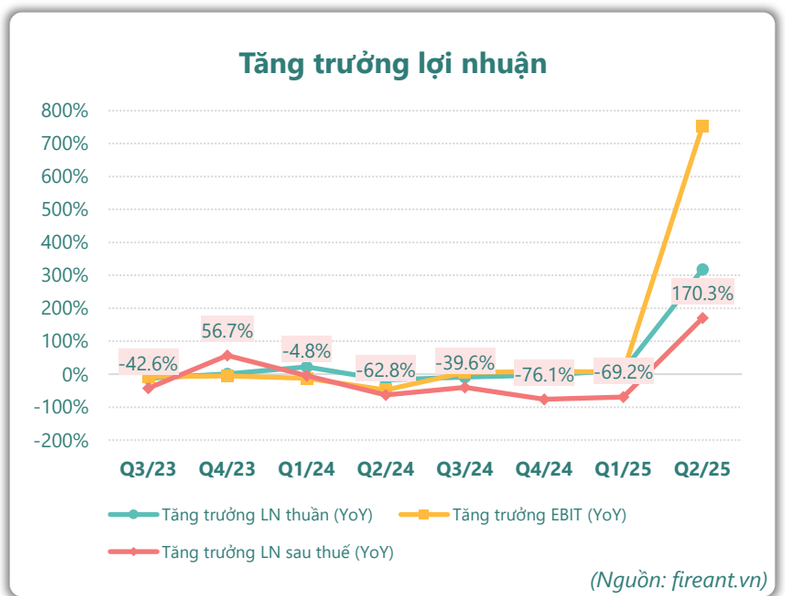
(Nguồn: fireant.vn)



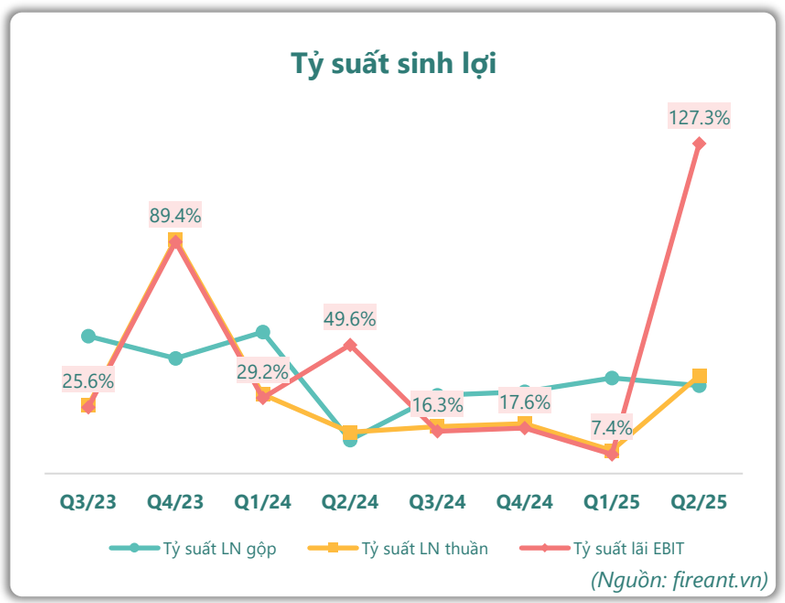
(Nguồn: fireant.vn)



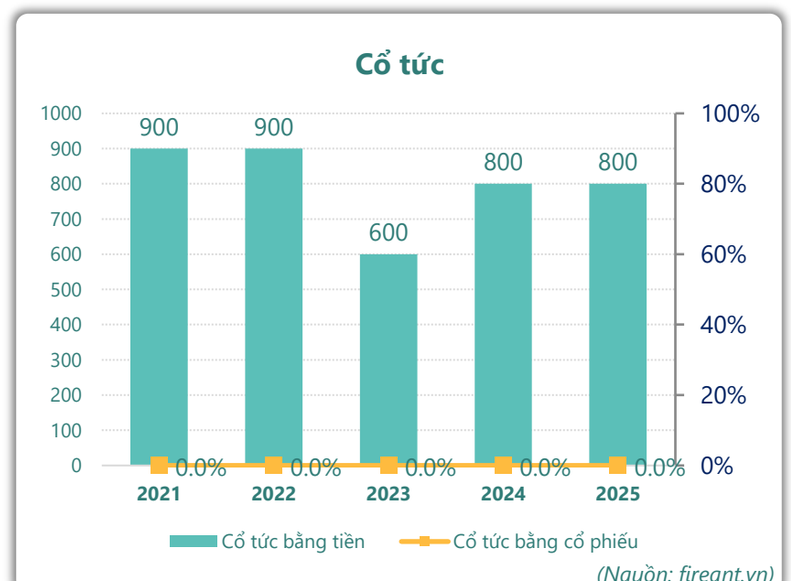
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



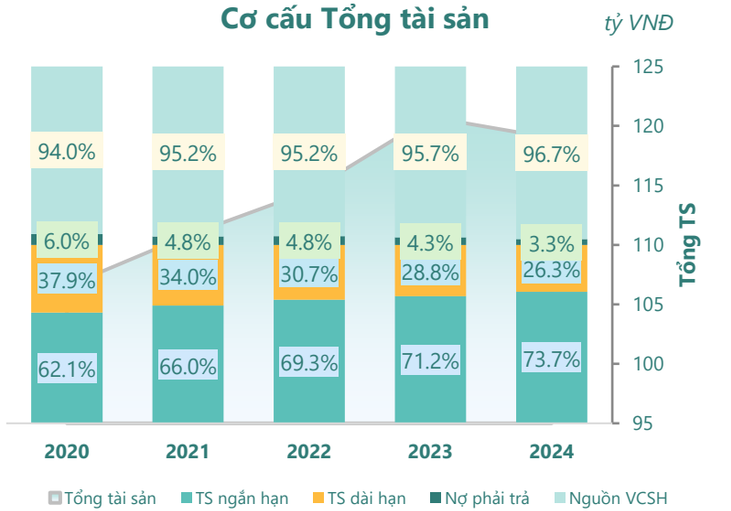
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

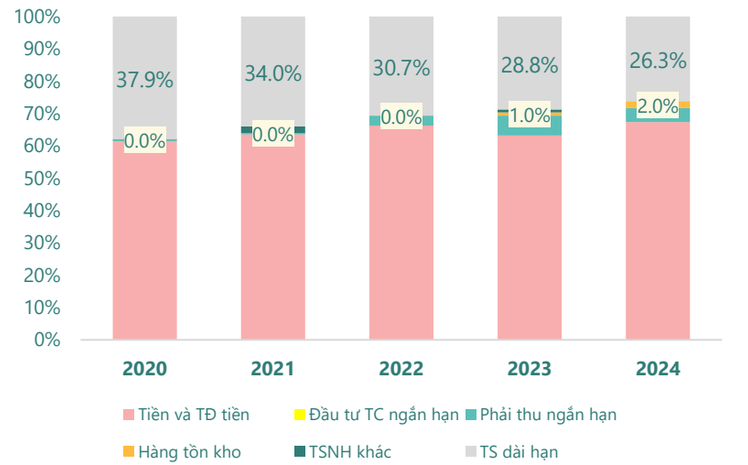
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



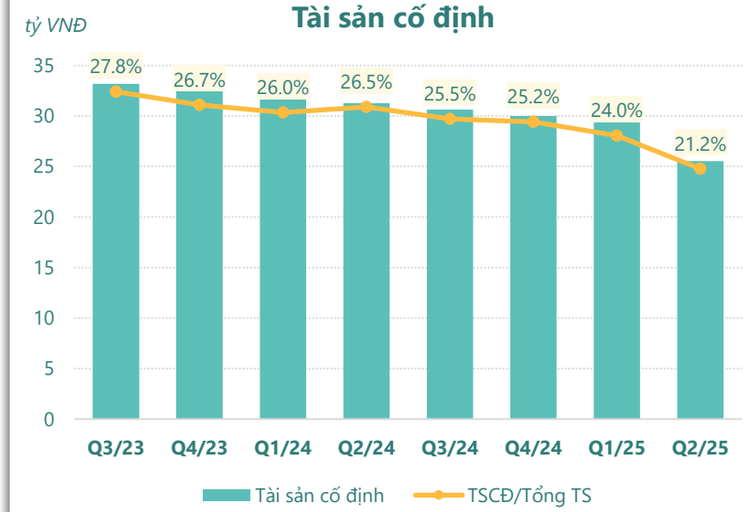
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



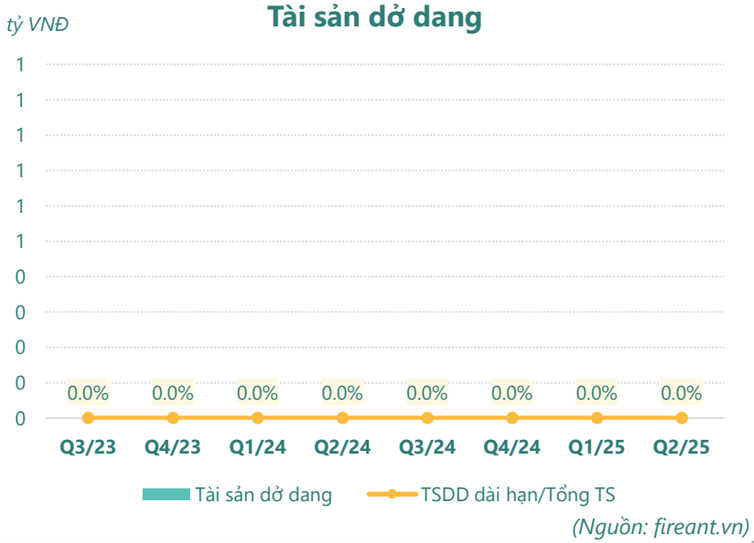
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



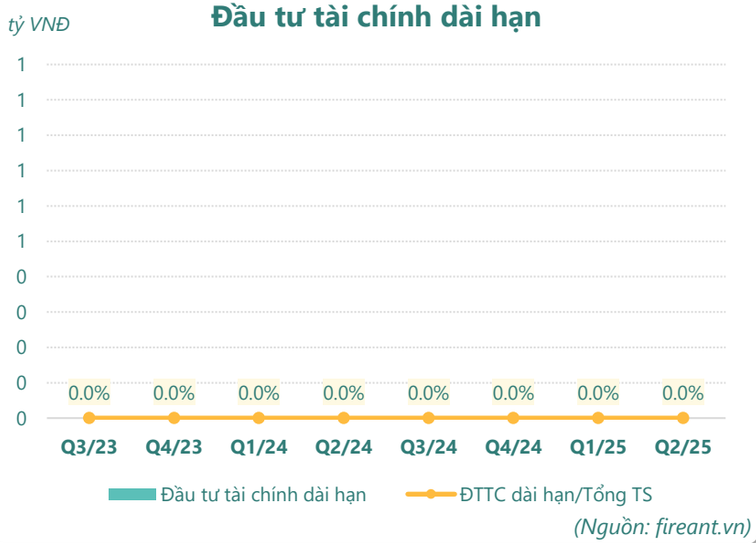
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



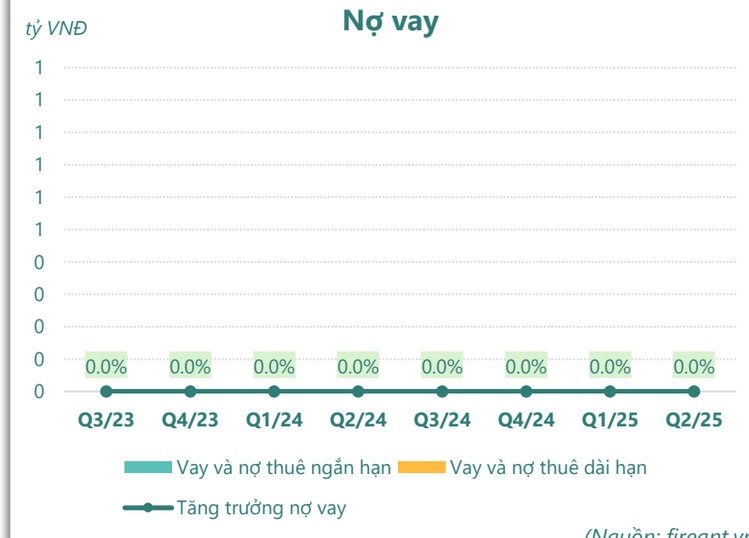
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

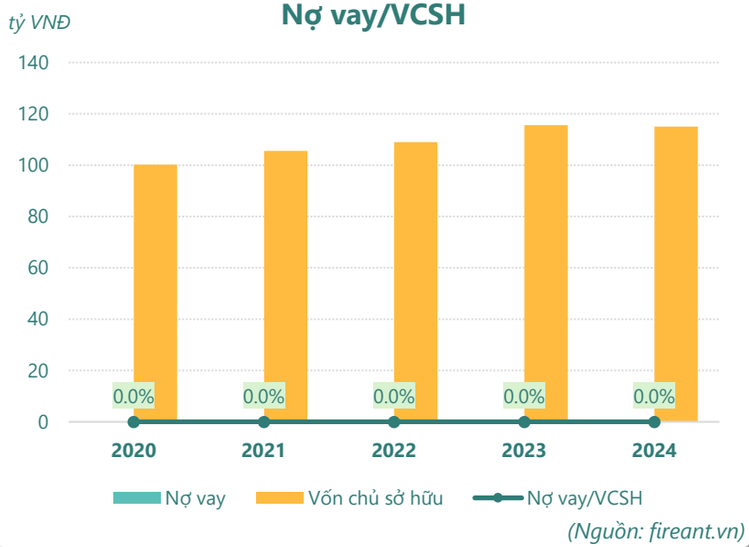
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

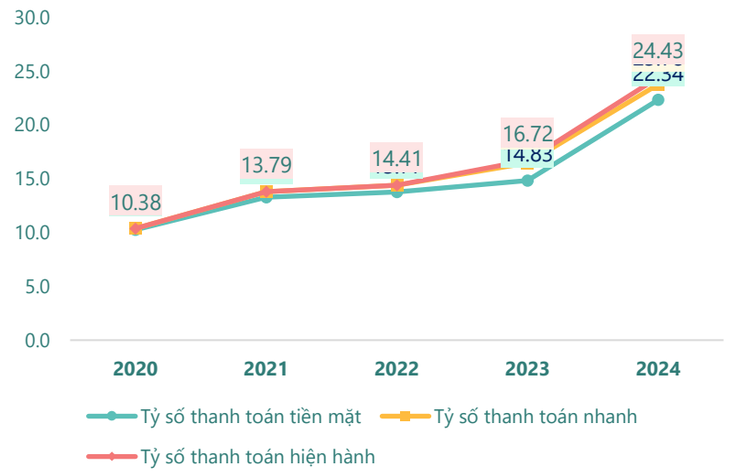
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



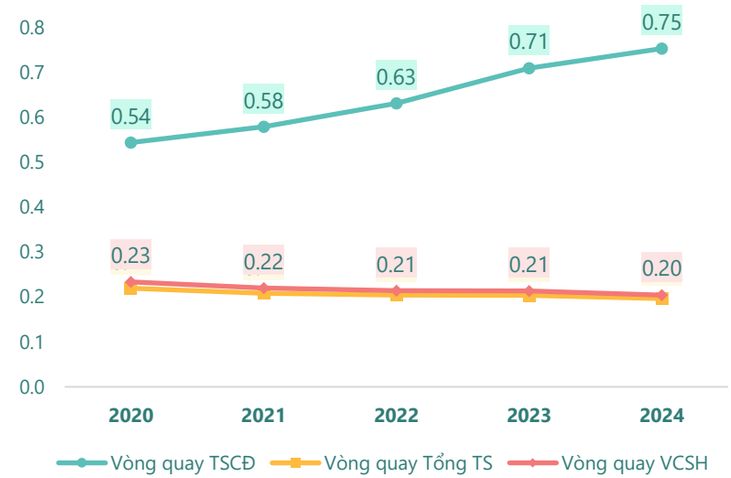
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



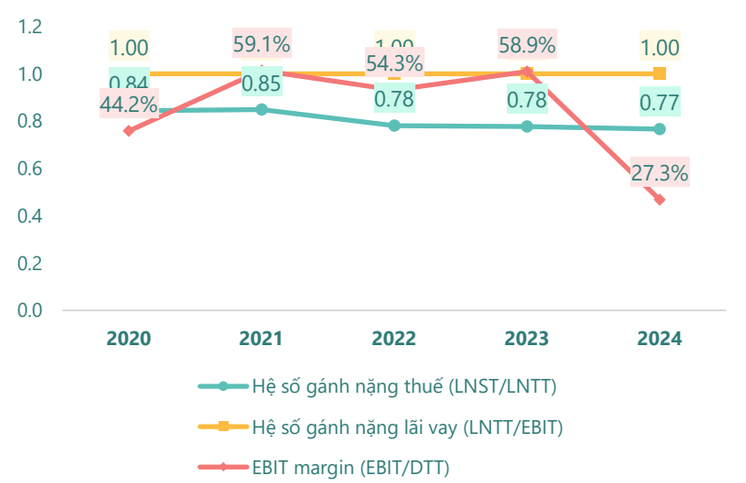
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



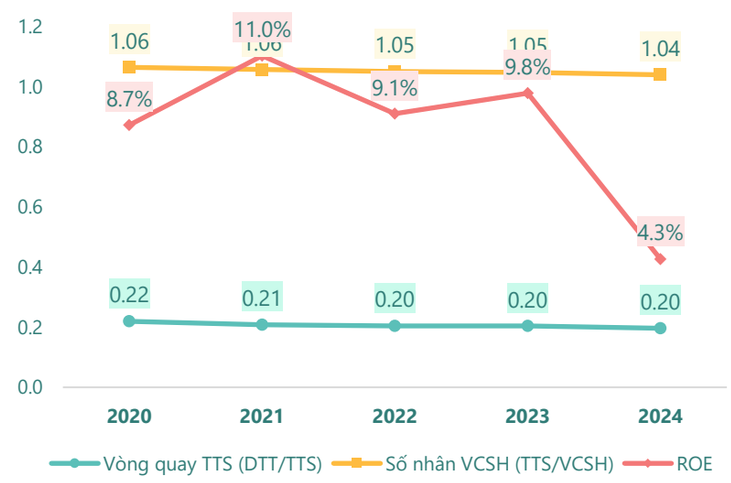
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



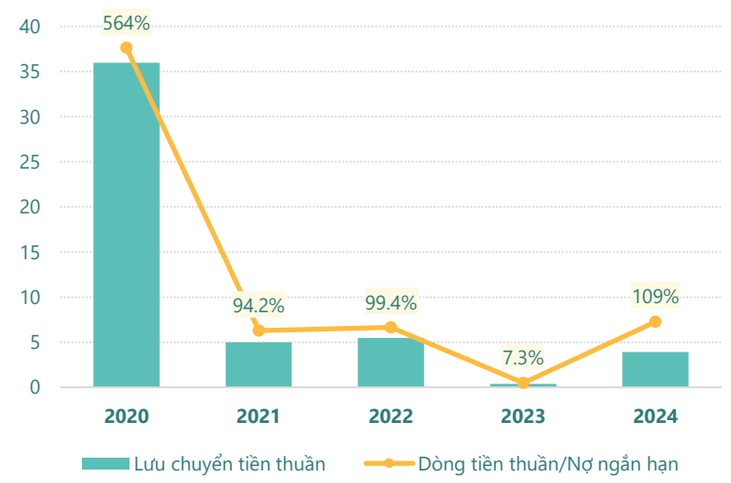
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.34**	**4.73**	**12.9%**	**11.6**	**11.9**	**-3.0%**
Giá vốn hàng bán	3.53	4.12	-14.3%	7.46	7.38	1.1%
Lợi nhuận gộp	1.81	0.61	197%	4.10	4.54	-9.5%
Doanh thu HĐTC	1.94	1.95	-0.6%	1.95	1.96	-0.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.73**	**1.81**	**-4.4%**	**3.48**	**3.55**	**-2.0%**
LN thuần từ HĐKD	2.02	0.76	166%	2.57	2.95	-12.8%
Lợi nhuận khác	**4.78**	**1.59**	**201%**	**4.69**	**1.50**	**213%**
LN trước thuế	6.80	2.35	189%	7.27	4.45	63.3%
Lợi nhuận sau thuế	**5.38**	**1.82**	**196%**	**5.70**	**3.45**	**65.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.38**	**1.82**	**196%**	**5.70**	**3.45**	**65.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.85	-6.50	3.74	-1.75	7.07	-6.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-55.0	7.07	-0.01	55.1	-55.0	3.89
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-4.56	0	0	0	-4.56
Tiền đầu kỳ	76.2	27.1	23.1	26.8	80.2	32.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-49.1**	**-3.99**	**3.73**	**53.3**	**-47.9**	**-6.70**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	27.1	23.1	26.8	80.2	32.2	25.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**120**	**119**	**1.1%**
Tài sản ngắn hạn	93.5	87.7	6.6%
Tiền và tương đương tiền	25.5	80.2	-68.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.2	5.12	1116%
Hàng tồn kho	3.17	2.35	34.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	0.04	6439%
Tài sản dài hạn	**26.8**	**31.3**	**-14.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	25.5	30.0	-14.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.24**	**1.32**	**-5.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.58	3.95	15.9%
Nợ ngắn hạn	**4.22**	**3.59**	**17.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	0.01	1165%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**116**	**115**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**116**	**115**	**0.6%**
Vốn điều lệ	57.0	57.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)